TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 26 - 6 - 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Bà Chu Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1989 tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Sán chí; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Đặng Thị H; có vợ là Hà Thị H và có 2 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo tại ngoại, có mặt.

* *Bị hại*: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; vắng mặt

Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1969; vắng mặt

Đều cư trú: Thôn L, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khoảng 02 giờ ngày 07/02/2019, Trần Văn T đi bộ đến Trung tâm y tế huyện S, tỉnh Bắc Giang, mục đích để trộm cắp điện thoại di động của bệnh nhân đang điều trị tại đó. T đi vào khu vực Khoa Hồi Sức ở tầng 1, lúc này là đêm tối nên mọi ngươi đều ngủ. T đi lại quan sát thấy ở trong phòng bệnh nhân điều trị (phòng riêng) có một người phụ nữ nằm ngủ trên giường bệnh (là bà Nguyễn Thị Đ), một người nằm ngủ trên giường gấp (là ông Hoàng Văn T1, chồng của bà Đ), bên cạnh chiếc giường gấp có một chiếc ghế nhựa, bên trên ghế ông T1 có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, màn hình cảm ứng. T mở cửa đi nhẹ vào lấy trộm chiếc điện thoại nêu trên, lúc này T phát hiện thấy ở phía trên bờ tường cửa sổ cạnh giường bệnh nhân, bà Đ có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng vàng, màn hình cảm ứng, T nhẹ nhàng với tay qua người bà Đ lấy trộm chiếc điện thoại đó, T đút cả 02 chiếc điện thoại vào túi quần đang mặc đi ra khỏi phòng khép cửa lại rồi đi bộ về nhà.

2. Khoảng 10 gờ cùng ngày T ngủ dậy lấy 02 chiếc điện thoại ra kiểm tra thì thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo bị khóa màn hình nên không mở được, chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung không khóa màn hình nên T mở ra xem; do điện thoại sử dụng mạng 4G nên T truy cập được vào mạng xã hội Facebook, T phát hiện thấy trên tài khoản Facebook của người bị hại cài đặt sẵn trên máy có một đoạn video ghi lại hình ảnh của T đi vào phòng bệnh nhân trộm cắp điện thoại; T tiếp tục kiểm tra thì thấy có nhiều cuộc gọi nhỡ trong mục nhật ký điện thoại. Do sợ bị phát hiện nên T có ý định trả lại điện thoại, T dùng chiếc điện thoại Samsung đó gọi đến số điện thoại có cuộc gọi nhỡ thì đầu máy bên kia có người nam giới nghe điện và nói "Lấy điện thoại của chú mang trả chú, chú đang cần", T trả lời "Cháu chót lấy rồi, chiều cháu mang xuống trả, chú yên tâm".

3. Khoảng 17 gờ cùng ngày, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Loncin biển số 98L4- 1256 mang theo 02 chiếc điện thoại đã trộm cắp được đi đến khu vực trước cửa Bưu điện huyện S, T gặp một người phụ nữ rồi chỉ tay vào một nhà ở bên kia đường hỏi nhà ai, người phụ nữ trả lời đó là nhà ông C. Sau đó T đi vào nhà ông C và nói "Chú cho cháu gửi đồ ở đây, tí có người đến lấy", ông C đồng ý và bảo cứ để ở trên tủ. T để lại gói đồ bên trong có 02 chiếc điện thoại rồi quay ra lấy xe mô tô đi cách khoảng 100m thì đỗ lại, T lấy điện thoại ra gọi cho ông Hoàng Văn T1 đến nhà ông C để nhận lại tài sản; T đứng đó quan sát thấy có người đến nhà ông C nhận gói đồ mà T gửi ở đó nên điều khiển xe mô tô đi về nhà. Ngày 12/02/2019 bà Nguyễn Thị Đ làm đơn trình báo và giao nộp 02 chiếc điện thoại bị trộm cắp để phục vụ công tác điều tra.

4. Tại bản Kết luận xác định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 25/02/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, loại J4 $^{+}$ được mua mới và sử dụng từ tháng 10/2018, giá trị còn lại tại thời điểm bị trộm cắp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F1, màu trắng – vàng, đã sử dụng khoảng hai năm, giá trị còn lại tại thời điểm bị trộm cắp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại = 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).

5. Tại bản Cáo trạng số 11 /CT-VKS-SĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

6. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 - 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 18 tháng; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô biển số 98L4- 1256, 01 điện thoại di động, 01 chiếc áo dài tay; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Văn T trình bày: Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng người, đúng tội; bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi trộm cắp tài sản của mình nên đã đem trả lại cho người bị hại; bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/02/2019, bị cáo Trần Văn T đã lợi dụng đêm tối khi bệnh nhân đang điều trị tại Trung tâm y tế huyện S và người nhà của họ đến chăm sóc đã đi ngủ, bị cáo thực hiện hành vi lén lút, lẻn vào phòng bệnh nhân chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Hoàng Văn T1 trị giá = 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn). Hành

vi đó của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy bị cáo Trần Văn T là người dân lao động có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi bị cáo biết được hành vi phạm tội đã được hệ thống camera ghi lại phát tán trên mạng xã hội Facebook thì bị cáo tìm cách giấu mặt trả lại tài sản cho người bị hại, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng; xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Người bị hại là bà Nguyễn Thị Đ, ông Hoàng Văn T1 đã được bị cáo trả lại 02 chiếc điện thoại di động bị trộm cắp, khi làm đơn trình báo bà Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 chiếc điện thoại để phục vụ yêu cầu điều tra, sau đó Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho vợ chồng bà Đ, ông T1 02 chiếc điện thoại đó; vợ chồng bà Đ, ông T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nữa nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra có thu của bị cáo Trần Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Loncin biển số 98L4- 1256, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại N1200

màu xám, 01 chiếc áo dài tay. Xét thấy những đồ vật nêu trên là tài sản, tư trang cá nhân của bị cáo có liên quan đến vụ án nhưng không phải là vật chứng, bị cáo không sử dụng những đồ vật nêu trên làm công cụ, phương tiện để phạm tội; vì vậy cần trả lại cho bị cáo là đúng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[6] **Về án phí**: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, là thành viên hộ nghèo; theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/6/2019).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Loncin màu nâu – trắng, biển số 98L4- 1256; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại N1200, màu xám; 01 chiếc áo dài tay, loại áo bông màu cỏ úa, cỡ áo số 2, trên hai vai áo có thêu chữ CAX.

Những đồ vật nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

4- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

Bị cáo có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thái

Nơi nhận:
- Bị cáo
- Bị hại
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Lưu hồ sơ, VP.